

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – ĐẮK LẮK**
Bản án số: 07/2026/HS-ST
Ngày: 29/01/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Míp Niê.

2. Ông Nguyễn Văn Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thế T.

Sinh ngày: 03/3/1996, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam. Con ông Trần Thế T1 (đã chết), con bà Nguyễn Thị L (sinh 1969); Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2013 bị TAND huyện Krông Năng (nay là TAND khu vực 10), tỉnh Đắk Lắk xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 49/2013/HSST ngày 13/6/2013;

Năm 2019 bị TAND huyện Krông Năng (nay là TAND khu vực 10), tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 26/2019/HSST ngày 27/5/2019; xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 67/2019/HSST ngày 15/11/2019. Tổng hợp hình phạt 02 bản án là 02 năm 09 tháng tù.

Năm 2024 bị TAND quận 12 (nay là TAND khu vực 7), thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 18 tháng.

Bị cáo đã chấp hành xong các bản án, quyết định.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 05/12/2025 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thế T là đối tượng nghiện ma túy, trú tại thôn T, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 01/02/2024 T bị TAND quận 12, thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 18 tháng. Ngày 13/5/2025 T chấp hành xong biện pháp cai nghiện bắt buộc trở về địa phương, đến ngày 13/6/2025 UBND xã E, huyện K nay là UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số 102/QĐ-UBND về việc quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú đối với T. Trong quá trình quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú thì ngày 05/10/2025 T đi đến khu vực đồi keo thuộc thôn T, xã T gặp 01 người đàn ông và mua 200.000đ ma túy. Sau khi mua xong ma túy T đến tiệm thuốc tây mua 01 bơm kim tiêm và 01 lọ nước cất rồi đi đến rẫy cà phê của người dân tại khu vực thôn T, xã T. Tại đây T lấy ma túy pha với nước cất và dùng kim tiêm bơm ma túy chích vào mạch máu vào trong cơ thể. Sau khi chích xong ma túy, T đi về nhà, trên đường đi về đã vứt kim tiêm và lọ nước cất. Ngày 06/10/2025 Công an xã T tiến hành làm việc với T, T đã khai nhận toàn bộ hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi cư trú của mình.

Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy ngày 06/10/2025 của Công an xã T xác định Trần Thế T dương tính với chất ma túy trong cơ thể.

Kết luận giám định số 832/KL-KTHS ngày 14/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu nước tiểu ghi thu của Trần Thế T được niêm phong gửi giám định tìm thấy chất ma túy, loại M và C.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra T khai nhận đã vứt bỏ 01 kim tiêm và 01 lọ nước cất không nhớ rõ vị trí cụ thể. Mặc dù Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu thập được.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk truy tố bị cáo Trần Thế T về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Trần Thế T khai nhận về hành vi phạm tội của mình phù hợp như nội dung kết luận điều tra và bản cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Thế T mức hình phạt từ 02 năm đến

02 năm 06 tháng tù.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho T, quá trình điều tra chưa xác minh làm rõ được nhân thân lai lịch nên chưa có căn cứ xử lý. Khi nào xác minh được thì xử lý sau.

Đối với người bán 01 bơm kim tiêm, 01 lọ nước cất cho T là ông Nguyễn Văn M1. Tuy nhiên ông M1 không biết T mua kim tiêm và nước cất để sử dụng ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thế T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ xác định T là người nghiện ma túy đã được áp dụng và đã chấp hành xong biện pháp cai nghiện bắt buộc, trở về địa phương sinh sống và được UBND xã T áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện với thời hạn 02 năm kể từ ngày 13/6/2025. Tuy nhiên trong thời gian quản lý sau cai ngày 05/10/2025 bị cáo đã sử dụng ma túy trái phép tại nơi cư trú. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự.

Tại Điều 256a Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm.

b, Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo qui định của Luật Phòng, chống ma túy”.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và khả năng nhận thức hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm; nhận thức được tại hại của việc sử dụng ma túy đến sức khỏe cá nhân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, an ninh công cộng; đang trong thời gian quản lý sau cai mà vẫn sử dụng; bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích thỏa mãn trực tiếp nhu cầu nghiện của mình. Bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy, HĐXX thấy cần

phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] Với tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đồng thời tạo điều kiện, môi trường cho bị cáo cai nghiện dưới sự giám sát, cưỡng chế bắt buộc của pháp luật.

[7] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[8] Đối với người đàn ông bán ma túy cho T, quá trình điều tra chưa xác minh làm rõ được nhân thân lai lịch nên không xử lý là phù hợp, khi nào điều tra xác minh được thì xử lý sau.

[9] Đối với hành vi bán 01 bơm kim tiêm, 01 lọ nước cất cho T của ông Nguyễn Văn M1. Tuy nhiên ông M1 không biết T mua kim tiêm và nước cất để sử dụng ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông M1 là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 bơm kim tiêm, 01 lọ nước cất Cơ quan cảnh sát điều tra không thu thập được vật chứng nên không xem xét, xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thế T phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thế T 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 05/12/2025).

2. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thế T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 10 – Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Thi hành án phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lương Thị Ngọc